

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. PHAN RANG - THÁP CHÀM
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81 /2019/DS-ST

Ngày: 27 /11/2019

V/v “*Tranh chấp Hợp đồng dịch vụ*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN RANG - THÁP CHÀM
*Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Anh Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Hoàng Liên và ông Nguyễn Huy Trân

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Từ Công Từ Rượu – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Rang- Tháp Chàm tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phan Rang - Tháp Chàm xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/TLST- DS ngày 04/01/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐST-DS ngày 29/10/2019 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** ông Trịnh Kim Kh, sinh năm 1977

Địa chỉ : đường 21/8, phường Phước Mỹ, thành phố Phan rang – Tháp chàm, Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1963 (Theo văn bản ủy quyền ngày 14/10/2019), (có mặt).

Địa chỉ: Khu phố 9, phường Phước Mỹ, thành phố Phan rang – Tháp chàm, Ninh Thuận.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1978, (vắng mặt).

Địa chỉ : số A đường Quang Trung, phường Kinh Dinh, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

NHẬN THẤY:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải ông Trịnh Kim Kh và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị D trình bày: Ngày 02/7/2018, khi ông Trịnh Công S có nhu cầu vay vốn Ngân hàng, nhưng theo gói vay có thể chấp tài sản để xây nhà thì Ngân hàng giải ngân thành nhiều đợt , vì muốn khi vay được Ngân hàng giải ngân một lần tiền nên ông Kh liên hệ bà Đ đặt vấn đề sẽ làm thủ tục lo cho hồ sơ của ông Trịnh Công S được giải ngân một lần với tiền mặt là 2.000.000.000^d (*Hai tỷ đồng*). Khi đó giữa ông Kh và bà Nguyễn Thị Đ có thỏa thuận : bà Đ làm dịch vụ hồ sơ vay ngân hàng Thương

mai cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Ninh Thuận, phòng giao dịch Phan Rang đối với hồ sơ vay vốn của ông Trịnh Công S, sinh năm 1978, số tiền vay 2 tỷ, giải ngân một lần. Thỏa thuận chi phí dịch vụ nếu hoàn tất là 10% trên số tiền vay giải ngân, nhận trước 100.000.000^d, số còn lại nhận sau khi công việc hoàn tất. Bà Nguyễn Thị Đ có cam kết nếu không lo được đúng theo thỏa thuận hai bên thì bà Nguyễn Thị Đ sẽ trả lại số tiền 100.000.000^d (Một trăm triệu đồng) cho ông Kh. Ông Kh đã thực hiện việc giao nhận tiền và bà Đ đã nhận đủ, làm giấy nhận tiền có ký nhận của bà Đ. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền xong thì bà Đ không thực hiện đúng thỏa thuận như cam kết giữa đôi bên, Ngân hàng không đồng ý giải ngân một lần mà nhiều lần, vì vậy ông S không vay vốn nữa. Nay ông Kh khởi kiện yêu cầu bà Đ phải hoàn trả cho ông Kh số tiền đã nhận 100.000.000^d (Một trăm triệu đồng), ngoài ra ông Kh không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Phan rang – Tháp chàm phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án, việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp, tổng đạt các giấy tờ cho Viện Kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định về phiên tòa sơ thẩm; người tham gia tố tụng là nguyên đơn, được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Riêng bị đơn vắng mặt mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ

Về quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý đơn kiện đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Lời trình bày và kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo thì ông Trịnh Kim Kh khởi kiện bà Nguyễn Thị Đ yêu cầu trả lại số tiền 100.000.000^d theo hợp đồng mà các bên đã giao kết, do vậy xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp “ Hợp đồng dịch vụ” theo quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Bị đơn có địa chỉ tại phường Kinh Dinh, thành phố Phan Rang – Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố

Phan rang – Tháp chàm theo quy định tại điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn bà Đ được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227, điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo sự thừa nhận của các đương sự và nội dung giấy nhận tiền ngày 02/7/2018 thì bà Đ nhận tiền 100.000.000^d (Một trăm triệu đồng) của ông Kh để bà Đ làm dịch vụ hồ sơ vay Ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Ninh Thuận, phòng giao dịch Phan Rang đối với hồ sơ vay vốn của ông Trịnh Công S, số tiền vay 2 tỷ, giải ngân một lần. Giấy cam kết có chữ ký, ghi họ tên và điểm chỉ vân tay của bà Nguyễn Thị Đ. Về hình thức , văn bản là do ông Kh và bà Đ lập cùng nhau, cơ bản không vi phạm điều cấm của pháp luật nên có giá trị ràng buộc trách nhiệm và nghĩa vụ giữa các bên.

Theo quy định tại khoản 1 điều 91 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì “ Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp”, phía bị đơn bà Đ không thực hiện nghĩa vụ chứng minh của mình kể cả khi Tòa án có giấy báo làm việc và thông báo tham dự phiên họp kiểm tra, giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án để giải quyết theo quy định tại khoản 4 điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Quá trình thu thập chứng cứ, nhận thấy:

Tại bản tự khai ngày 22/8/2018 và biên bản lấy lời khai ngày 22/8/2018 của bà Nguyễn Thị Đ tại Công an thành phố Phan rang – Tháp chàm thì bà Đ thừa nhận ngày 02/7/2018 có thỏa thuận với ông Trịnh Kim Kh và ông Trịnh Công S là “tôi sẽ nhận công làm gói vay 10% sau khi giải ngân, nhận trước 100.000.000^d . Sau khi Ngân hàng đồng ý cho vay mức 2 tỷ tiền mặt và ra thông báo ngày 28/6/2018, ông S đã ký hợp đồng tín dụng 2 tỷ tại ngân hàng, ngân hàng cho nhận trước 1 tỷ và sau đó nhận tiền tiếp theo, nhận tiền mặt nhưng ông Trịnh Kim Kh và ông Trịnh Công S không chịu vay tiền ra”.

Tại kết luận giám định số 123/KLGD ngày 27/8/2019 kết luận: dấu vân tay Nguyễn Thị Đ trên tờ giấy nhận tiền lập ngày 02/7/2018 với dấu vân tay Nguyễn Thị Đ tại ô ngón trỏ phải trên tờ khai chứng minh nhân dân ngày 22/01/1998 do cùng một người in ra; dấu vân tay Nguyễn Thị Đ trên tờ giấy nhận tiền lập ngày 02/7/2018 với dấu vân tay Nguyễn Thị Đ tại ô ngón trỏ phải trên tờ khai chứng minh nhân dân ngày 10/3/2011 do cùng một người in ra.

Tại kết luận số 85/KLGD ngày 26/7/2019 kết luận, chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Thị Đ dưới mục người nhận tiền trên tài liệu mẫu cần giám định ký hiệu so với chữ ký chữ viết mang tên Nguyễn Thị Đ trên các tài liệu mẫu so sánh

bản tự khai ngày 22/8/2018, biên bản ghi lời khai ngày 22/8/2018 do Công an thành phố Phan Rang cung cấp do cùng một người ký và viết ra.

Tại Công văn số 833/CV – BIDV. NT ngày 03/5/2019 Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh tỉnh Ninh Thuận cung cấp “ ... ngày 03/7/2018 sau khi hoàn tất các thủ tục công chứng, đăng ký thế chấp tài sản đảm bảo theo quy định, ông S đề nghị ngân hàng cho rút vốn vay một lần 2 tỷ. Do đây là khoản vay xây nhà nên theo quy định phải thực hiện giải ngân theo tiến độ xây dựng, do vậy Ngân hàng không đồng ý với việc rút vốn vay 1 lần của ông S, ngày 19/7/2018 ông S đến Ngân hàng đề nghị rút lại hồ sơ, không đồng ý vay nữa, Ngân hàng đã thực hiện giải chấp tài sản và bàn giao lại toàn bộ hồ sơ tài sản đảm bảo cho ông S.

Do giao dịch phát sinh từ việc giải ngân của hợp đồng vay không thành, bà Đ không đồng ý trả lại số tiền này vì cho rằng Ngân hàng đã có thông báo cho vay. Nhận thấy giao dịch giữa bà Đ và ông Kh không thực hiện được như các đương sự đã thỏa thuận là “giải ngân tiền mặt 1 lần số tiền 2 tỷ”, và nội dung trong cam kết giữa hai bên có nêu rõ “nếu không đúng theo thỏa thuận giữa tôi và ông Kh, tôi xin hoàn lại số tiền trên và lãi phát sinh do ông Kh yêu cầu” vì vậy bà Đ giữ số tiền 100.000.000^d của ông Kh là không có căn cứ. Mặt khác, bà Đ không cung cấp được văn bản thể hiện là Ngân hàng đồng ý giải ngân 1 lần mà ông Kh không vay. Do đó lỗi vi phạm thỏa thuận thuộc về phía bà Đ, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Kh nên buộc bà Đ phải trả lại cho ông Kh số tiền 100.000.000^d là phù hợp.

Xét quan điểm của Viện kiểm sát, yêu cầu của nguyên đơn có căn cứ phù hợp điều 166, 513, 515, 516, 517, 518 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm 5.000.000^d đối với số tiền nguyên đơn khởi kiện được Tòa án chấp nhận.

Nguyên đơn ông Kh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền 2.500.000^d tạm ứng án phí đã nộp.

Chi phí tố tụng: số tiền trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết, dấu vân tay tổng cộng , do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn bà Đ phải chịu chi phí này. Ông Kh đã nộp tạm ứng 5.040.000^d nên bà Đ phải hoàn trả cho ông Kh số tiền chi phí tố tụng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 điều 91, khoản 1 điều 147, điều 161, điều 227, điều 228, điều 271, điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điều 166, 513, 515, 516, 517, 518 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trịnh Kim Kh đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Đ về việc tranh chấp “ Hợp đồng dịch vụ”

Buộc bà Nguyễn Thị Đ phải có nghĩa vụ trả cho ông Trịnh Kim Kh số tiền 100.000.000^d (*Một trăm triệu ngàn đồng*).

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trịnh Kim Kh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn lại số tiền 2.500.000^d (*Hai triệu năm trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0018104 ngày 02/01/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Phan rang – Tháp chàm.

Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu 5.000.000^d (*Năm triệu đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị Đ phải chịu số tiền trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết, dấu vân tay số tiền 5.040.000^d (*Năm triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng*) do ông Kh đã tạm ứng chi phí nên bà Đ phải có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Kh số tiền 5.040.000^d (*Năm triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng*).

“Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.”

“Trường hợp bản án, quyết định, được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.”

Án xử công khai, sơ thẩm, có mặt nguyên đơn - quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/11/2019); bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Hoàng Liên Nguyễn Huy Trân

Phạm Thị Anh Trang

Nơi nhận:

- Đương sự
- TAND tỉnh NT;
- Chi cục THADS TP.PRTC;
- VKSND TP.PRTC;
- Lưu HS+ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Anh Trang

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Nghiệp

Lê Khắc Bích

Ninh Thị Kiều Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

ác Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Khắc Bích Nguyễn Văn Nghiệp

Ninh Thị Kiều Hạnh

